|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ -------** | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** | |
| Số: /QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* | |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**PHÊ DUYỆT TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ƯU TIÊN THEO   
CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM ĐIỀU TRA CƠ BẢN   
TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**

**THỦ TƯỚNG C HÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Phê duyệt Tiêu chí đánh giá dự án ưu tiên theo Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng liên ngành thẩm định, xác định danh mục các dự án ưu tiên, gửi dự thảo Chương trình kèm theo báo cáo thuyết minh và danh mục các dự án ưu tiên để lấy ý kiến của các Bộ liên quan theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; đề xuất điều chỉnh, bổ sung Tiêu chí phù hợp với tình hình thực tế.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.**Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW ven biển; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Quốc hội, UB KH,CN&MT của QH; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ  Cổng TTĐT,  các Vụ: KTN, KTTH; - Lưu: Văn thư, KGVX(…b). | **KT. THỦ TƯỚNG PHÓ THỦ TƯỚNG**  **Trịnh Đình Dũng** |

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN ƯU TIÊN**

**THEO CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM ĐIỀU TRA CƠ BẢN   
TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. MỤC ĐÍCH ÁP DỤNG TIÊU CHÍ**

Để đánh giá lựa chọn các dự án đưa vào Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo nhằm:

1) Đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, đa mục tiêu, trọng tâm, trọng điểm, mang tính vừa cấp bách, vừa lâu dài của các nhiệm vụ theo Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

2) Phù hợp với khả năng đầu tư nguồn lực của nhà nước cho Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

3) Đảm bảo tính khách quan, công tâm, minh bạch trong quá trình rà soát, lựa chọn các dự án.

**II. YÊU CẦU ĐỐI VỚI DỰ ÁN ƯU TIÊN THEO CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM**

1) Phù hợp với và đáp ứng yêu cầu Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết của Chính phủ banh hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2) Phù hợp với và đáp ứng yêu cầu Khoản 2, Điều 13, Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

3) Đáp ứng các yêu cầu của Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 06 tháng 9 năm 2013, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2011.

4) Có sự tương trợ trong thực hiện các chương trình quốc gia, ngành, lĩnh vực và các địa phương.

5) Các đơn vị chủ trì có đủ năng lực tích hợp giữa điều tra cơ bản và nghiên cứu khoa học, có kinh nghiệm và khả năng điều phối, huy động nguồn lực, trang thiết bị để triển khai, đảm bảo chất lượng, hiệu quả khi dự án được phê duyệt.

**III. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ**

1. **Bước 1: Đánh giá sơ bộ**

Quá trình đánh giá sơ bộ nhằm lược bỏ các đề xuất dự án sau đây:

a) Có nội dung hoàn toàn không gắn với hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

b) Không có tính kế thừa các dự án điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển trước đây hoặc trùng lặp với các dự án đã và đang triển khai;

c) Không phù hợp các yêu cầu nêu tại mục II đối với dự án ứng phó với biến đổi khí hậu;

d) Không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực của cơ quan đề xuất dự án.

**2. Bước 2: Đánh giá mức độ ưu tiên**

*a) Nội dung thứ nhất:*

Thực hiện đánh giá mức độ ưu tiên giữa lĩnh vực điều tra cơ bản với mục tiêu điều tra cơ bản. Quá trình đánh giá được thực hiện theo Bảng 1.

**Bảng 1. Mức độ ưu tiên theo mục tiêu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mục tiêu  Lĩnh vực | Lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế -xã hội | An ninh, quốc phòng | Bảo vệ môi trường, bảo tồn biển | Thích ứng với biến đổi khí hậu |
| 1 | Tổng hợp tài nguyên, môi trường biển | A | A | A | A |
| 2 | Điều kiện tự nhiên (đặc điểm địa chất, địa mạo, khí tượng, thủy hỉa văn…) | B | B | A | A |
| 3 | Tài nguyên (khoáng sản, dầu khí, hải sản, tài nguyên nước…) | A | C | B | B |
| 4 | Môi trường (ô nhiễm môi trường, lập bản đồ phân vùng rủi ro, đánh giá sức chịu tải môi trường…) | A | B | A | B |
| 5 | Kinh tế - xã hội, văn hóa biển | A | C | B | B |
| 6 | Cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo | B | B | A | C |
| 7 | Đầu tư trang thiết bị, phương tiện, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo | A | A | B | C |
| 8 | Hợp tác quốc tế điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo | A | A | B | A |

*b) Nội dung thứ 2:*

Thực hiện đánh giá mức độ ưu tiên giữa khu vực điều tra cơ bản với mục tiêu điều tra cơ bản. Quá trình đánh giá được thực hiện theo Bảng 2

**Bảng 2. Mức độ ưu tiên theo khu vực**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mục tiêu  Khu vực | Lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội | An ninh, quốc phòng | Bảo vệ môi trường, bảo tồn biển | Thích ứng với biến đổi khí hậu |
| 1 | Vùng ven biển | A | B | A | A |
| 2 | Vùng nhạy cảm về môi trường | A | B | A | C |
| 3 | Vùng biển sâu, biển xa | B | A | C | C |
| 4 | Vùng biển quốc tế liền kề | C | A | C | C |
| 5 | Vùng hải đảo | A | A | B | C |

*c) Nội dung thứ ba:*

Thực hiện đánh giá mức độ ưu tiên giữa lĩnh vực điều tra cơ bản với khu vực điều tra cơ bản. Quá trình đánh giá được thực hiện theo Bảng 3.

**Bảng 3. Mức độ ưu tiên theo lĩnh vực**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Khu vực  Lĩnh vực | Vùng ven biển | Vùng nhạy cảm về môi trường | Vùng biển sâu, biển xa | Vùng biển quốc tế liền kề | Vùng hải đảo |
| 1 | Tổng hợp tài nguyên, môi trường biển | A | A | A | A | A |
| 2 | Điều kiện tự nhiên (đặc điểm địa chất, địa mạo, khí tượng, thủy hải văn…) | B | B | B | C | B |
| 3 | Tài nguyên (khoáng sản, dầu khí, hải sản, tài nguyên nước…) | A | B | A | B | A |
| 4 | Môi trường (ô nhiễm môi trường, lập bản đồ phân vùng rủi ro, đánh giá sức chịu tải môi trường…) | A | A | B | C | B |
| 5 | Kinh tế - xã hội, văn hóa biển | B |  |  |  | C |
| 6 | Cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật về điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo | B | A | A | A | A |
| 7 | Đầu tư trang thiết bị, phương tiện, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo | C | C | A | A | A |
| 8 | Hợp tác quốc tế điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo | A | A | A | A | A |

\* Chú thích về các mức ưu tiên trong bước 2:

A: Là mức ưu tiên cao trong điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (8 điểm).

B: Là mức ưu tiên trung bình trong điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (6 điểm)

C: Là mức ưu tiên thấp trong điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (4 điểm)

Ô trống: không có tác động của biến đổi khí hậu (0 điểm)

Căn cứ tính điểm: Việc xác định các mức điểm trong các bảng đánh giá được thực hiện bằng phương pháp phân tích chuyên gia.

- Tổng điểm bước 2 (bước đánh giá mức độ ưu tiên các dự án) có giá trị khoảng 1/4 tổng số điểm đánh giá của dự án, vì tính ưu tiên của bước này phù thuộc vào các yếu tố khách quan như khu vực hoặc lĩnh vực.

Mức ưu tiên tổng hợp cao nhất của bước 2 sẽ bằng: A + A + A (tổng điểm tối đa: 24 điểm)

Mức ưu tiến tổng hợp thấp nhất của bước 2 sẽ bằng: C + C + C (tổng điểm tối thiểu: 16 điểm)

- Tổng điểm bước 3 có giá trị khoảng 3/4 tổng số điểm đánh giá của dự án, vì bước này xem xét toàn bộ nội dung của dự án để đánh giá hiệu quả của dự án trong điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

**3. Bước 3: Đánh giá theo nội dung đề xuất dự án**

Sau khi đánh giá mức độ ưu tiên ở Bước 2, từng đề xuất dự án tiếp tục được xem xét, tính điểm theo nội dung ở Bảng 4.

**Bảng 4. Tính điểm theo nội dung đề xuất dự án**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Yêu cầu nội dung trong đề xuất dự án** | **Tổng điểm** |
| 1. Tính cấp thiết | - Chứng minh dự án thuộc dạng “không thể trì hoãn, mang lại lợi ích trước mắt và lâu dài, giải quyết những bất cập, khó khăn trong phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, đảm bảo an ninh quốc phòng: **10 đ**  - Nêu được những yêu cầu bức thiết, cụ thể phải triển khai để phục vụ các mục tiêu lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội theo chiến lược phát triển kinh tế, bảo vệ an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương: **4 đ** | **14** |
| 2. Giải pháp thực hiện | - Có quy định kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá rõ ràng, đối với các dự án cấp bách, có tính mới cần thực hiện thì phải xây dựng quy định kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá song song với quá trình xây dựng dự án: **6 đ**  - Phù hợp với điều kiện kinh tế của đất nước và đối tác, khuyến khích các dự án điều tra cơ bản kết hợp với nghiên cứu khoa học: **8 đ**  - Các dự án ứng dụng các giải pháp công nghệ cao, các dự án hợp tác quốc tế, các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai: **3 đ** | **17** |
| 3. Tính lồng ghép, liên ngành, liên vùng | - Các Dự án có tính liên ngành, liên vùng, có kế hoạch tổ chức triển khai, phân công trách nhiệm, nhiệm vụ của từng Bộ, ngành trong quá trình triển khai thực hiện dự án: **10 đ**  - Các dự án có sự phối hợp của các tổ chức quốc tế (hỗ trợ cả về nhân lực, phương tiện, trang thiết bị, tài chính): **8 đ** | **18** |
| 4. Tính khả thi (tiến độ, tài chính, năng lực kỹ thuật) | - Có kế hoạch, nội dung, thời gian triển khai dự án phù hợp với tính cấp bách của vấn đề: **6 đ**  - Khả thi về tài chính, chỉ rõ kế hoạch giải ngân; kế hoạch tổ chức thực hiện và phương thức huy động các nguồn vốn khác (nếu có): **6 đ** | **12** |
| 5. Tính hữu ích có kết quả rõ ràng | - Chứng minh lợi ích cụ thể, những giá trị đem lại có tính định lượng về kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu: **3 đ**  - Chứng minh được những giá trị cụ thể, những đóng góp cụ thể vào mục đích an ninh, quốc phòng: **3 đ**  - Kết quả dự kiến phải rõ ràng: định tính và định lượng, hướng trực tiếp đến đối tượng thụ hưởng: **5 đ** | **15** |

**IV. TỔNG HỢP KẾT QUẢ**

**Bảng 5. Tổng hợp các bước xét chọn đề xuất dự án**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bước** | **Tiêu chí** | **Điểm tối đa** |
| Đánh giá sơ bộ | Loại bỏ các đề xuất dự án không thuộc loại dự án về biến đổi khí hậu | Không tính điểm |
| Đánh giá mức độ ưu tiên theo lĩnh vực và khu vực | Theo A, B, C | **24** |
| Đánh giá theo nội dung đề xuất dự án | Theo 5 tiêu chí: | **76** |
|  | 1. Tính cấp thiết | *(14)* |
| 2. Giải pháp thực hiện | *(17)* |
| 3. Tính lồng ghép, liên ngành, liên vùng | *(18)* |
| 4. Tính khả thi (tiến độ, tài chính, năng lực kỹ thuật) | *(12)* |
| 5. Tính hữu ích có kết quả rõ ràng | *(15)* |
| **Tổng** | | **100 điểm** |

Qua các bước đánh giá, tổng điểm tối đa cho một dự án là 100 điểm. Căn cứ vào số điểm mà dự án đạt được, kế hoạch và khả năng bố trí nguồn vốn cho mỗi giai đoạn để lựa chọn các dự án ưu tiên đưa vào Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo./.